

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
THỊ XÃ TÂN CHÂU  
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 125/2020/DS-ST

Ngày: 29/9/2020

V/v tranh chấp dân sự, vay  
tài sản.

**NHÂN DANH**

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ TÂN CHÂU, TỈNH AN GIANG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Huỳnh Thị Bạch Tuyết.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Nguyễn Quốc Dũng;
2. Bà Nguyễn Thị Kim Khuyên.

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Trịnh Hữu Lợi, Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Tân Châu, tỉnh An Giang.

***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Tân Châu, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa:*** Bà Nguyễn Thùy Linh - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 9 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Tân Châu xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 25/2020/TLST - DS ngày 24 tháng 02 năm 2020 về việc “*tranh chấp hợp đồng dân sự, vay tài sản*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 230/2020/QĐXXST-DS ngày 20 tháng 8 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 291/2020/QĐST-DS ngày 10/9/2020, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Anh Nguyễn Tấn Q, sinh năm 1979; Địa chỉ: Số 337, ấp Ti, xã H, huyện B, tỉnh Đồng Tháp.

2. *Bị đơn:* Anh Mai Văn D (Nguyễn Văn D), sinh năm 1978; Địa chỉ: Số nhà 539, khóm L, phường P, thị xã T, tỉnh An Giang.

Anh Q có mặt tại phiên tòa; Anh D vắng mặt không lý do.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, lời khai của anh Q trong quá trình tố tụng và các tài liệu, chứng cứ do anh Q cung cấp, nội dung vụ án được xác định như sau:

Ngày 09/6/2018, anh Nguyễn Tấn Q có cho anh Mai Văn D vay số tiền 68.000.000 (sáu mươi tám triệu) đồng, không tính lãi suất, thời hạn vay 01

tháng, mục đích vay cho bổ sung vốn làm rẫy và lo kinh tế gia đình, anh Q viết sẵn biên nhận nợ, ông D ký tên và lấn tay vào biên nhận nợ ngày 09/6/2018.

Nội dung biên nhận nợ ngày 09/6/2018, có nội dung cụ thể: “Tôi tên: Nguyễn Văn D, sinh năm 1978. CMND số 351.349.372. Cư ngụ: khóm L, phường P, thị xã T, tỉnh An Giang. Nhận có mượn của anh Nguyễn Tấn Q số tiền là: 68.000.000 đồng (sáu mươi tám triệu đồng chẵn). Hẹn sau 01 tháng (tức 30 ngày) kể từ ngày viết biên nhận nợ này tôi sẽ trả lại cho anh Q số tiền trên”. Phần ký tên ghi họ tên của người nhận tiền “Long Quới B, ngày 09/6/2018. Người nhận tiền Nguyễn Văn D. Ghi “Trở trái, Trở phải” ở giữa các dấu vân tay của anh D, tất cả nội dung này là do anh Q viết. Anh D chỉ ký tên D và lấn tay vào biên nhận nợ nêu trên.

Khi viết biên nhận nợ ngày 09/6/2018, anh D cung cấp cho anh Q họ tên là Nguyễn Văn D, sinh năm 1978; Địa chỉ: Khóm L, phường P, thị xã T, tỉnh An Giang. Khi làm đơn khởi kiện tại Tòa án anh Q có đến địa phương tìm hiểu được biết anh D tên thật là Mai Văn D, sinh năm 1978; Địa chỉ: Khóm L, phường P, thị xã T, tỉnh An Giang.

Anh Nguyễn Tấn Q yêu cầu Tòa án giải quyết buộc anh Mai Văn D (Nguyễn Văn D) trả cho anh Q số tiền vốn gốc 68.000.000 đồng, không yêu cầu tính lãi suất, không yêu cầu về khởi tố hình sự đối với anh D.

Để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện, nguyên đơn cung cấp “Biên nhận ngày 09/6/2018” và Tấm ảnh anh Mai Văn D. Ngoài ra, quá trình giải quyết anh Q có yêu cầu Tòa án nhân dân thị xã T giám định chữ ký “D” và dấu vân tay ở biên nhận ngày 09/6/2018.

Tòa án đã tiến hành tổng đạt Thông báo thụ lý vụ án số 117/TB-TLVA ngày 24/02/2020 và các văn bản tố tụng khác cho anh Mai Văn D (Nguyễn Văn D) nhưng không thực hiện được việc cấp tổng đạt do anh D vắng mặt tại địa phương. Đồng thời, Tòa án đã tiến hành niêm yết Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Quyết định hoãn phiên tòa theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự nhưng anh D vắng mặt tại phiên tòa.

Quá trình tố tụng, Tòa án tiến hành xác minh tình trạng cư trú và nhân thân của anh Mai Văn D tại khóm L, phường P; Xác minh tình trạng cư trú của anh D tại Công an phường Long Phú, thị xã T, tỉnh An Giang; Xác minh nơi cư trú và nhân thân tại nhà ông Mai Văn T (ba ruột ông D). Cụ thể:

Ban khóm L, phường P, thị xã T, tỉnh An Giang cho biết: Trên địa bàn tổ 08, khóm L, phường P có đương sự tên Mai Văn D, sinh năm 1978, số giấy chứng minh nhân dân 351.349.352 cùng đăng ký hộ khẩu thường trú chung hộ ông Mai Văn T (cha ruột anh D). Ngoài tên, Mai Văn D ở địa phương anh D không có tên gọi khác. Và trên địa bàn tổ 08, khóm L, phường P không có đương sự tên Nguyễn Văn D. Hiện nay, anh Mai Văn D không có mặt tại địa phương. Ngoài ra, ban khóm L, phường P còn cung cấp, anh D có vợ tên Bùi Thị Huỳnh Giao, sinh năm 1979; có hai con tên Mai Thành Ph, sinh năm 2002

và Mai Kim Th, sinh năm 2008. Hiện vợ và hai con của anh D thường xuyên sinh sống tại địa phương. Đồng thời, anh Huỳnh Thanh An (Trưởng Ban khóm Long Quới B) được Tòa án cho xem tấm ảnh (do nguyên đơn Nguyễn Tấn Q cung cấp) xác định người trong ảnh là anh Mai Văn D, sinh năm 1978; Địa chỉ số nhà 359, khóm L, phường P, thị xã T, tỉnh An Giang.

Công an phường Long Phú, thị xã T cho biết: Anh Mai Văn D có đăng ký hộ khẩu thường trú tại tổ 08, khóm L, phường P, thị xã T, tỉnh An Giang chung với hộ của ông Mai Văn T (ba ruột anh D). Anh D hiện nay không có mặt tại địa phương, anh D đi đâu, làm gì địa phương không biết. Trên địa bàn tổ 08, khóm L, phường P không có đương sự tên Nguyễn Văn D, số giấy chứng minh nhân dân 351.349.372.

Ông Mai Văn T, sinh năm 1928; Địa chỉ: số nhà 359, khóm L, phường P, thị xã T cho biết: Ông Tâm là cha ruột của anh Mai Văn D; Cùng đăng ký hộ khẩu thường trú tại tổ 08, khóm L, phường P, thị xã T, tỉnh An Giang. Hiện, anh D đi làm ăn xa không thường xuyên sinh sống với ông Tâm tại địa chỉ đăng ký hộ khẩu thường trú, ông Tâm không biết địa chỉ cụ thể của anh D. Anh D có vợ tên Giao và có một người con trai, một người con gái, vợ và hai con của anh D đang sống chung với ông Tâm tại địa phương. Vợ anh D đi làm từ sáng đến chiều tối (khoảng 18, 19 giờ) mới về nhà. Ông Tâm được xem tấm ảnh (do nguyên đơn Nguyễn Tấn Q cung cấp) xác định người trong ảnh là anh D, con trai của ông Tâm.

Quá trình tố tụng, Tòa án nhân dân thị xã T, tỉnh An Giang đã tiến hành giám định chữ ký “D” và dấu vân tay ở biên nhận ngày 09/6/2018 (theo yêu cầu của anh Nguyễn Tấn Q). Và đã nhận được Kết luận giám định số 26/KLGT-PC09(ĐV-TL) ngày 10/7/2020 của Phòng kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh An Giang. Cụ thể:

- Chữ ký đứng tên Nguyễn Văn D trên “Biên nhận nợ” ghi ngày 09/6/2018, ký hiệu TLCGD: A so với chữ ký của Mai Văn D trên 03 (ba) tài liệu mẫu so sánh, ký hiệu TLMSS: M1, M2, M3 do cùng một người ký ra.

- 05 (năm) dấu vân tay màu đỏ in dưới mục “Người nhận tiền” vị trí ký và viết tên “Nguyễn Văn D” trên Biên nhận nợ ngày 09/6/2018, ký hiệu TLCGD: A với dấu vân tay in ở ô ngón trỏ trái và trỏ phải trên bộ Bộ tờ khai, chỉ bản chứng minh nhân dân số 351.349.352, lập ngày 28/5/1996 tại Long Phú, Tân Châu, An Giang viết tên Mai Văn D, sinh ngày: 10/6/1978, nơi thường trú: Long Quới B, Long Phú, Tân Châu, An Giang, ký hiệu TLMSS: M3 là của cùng một người in ra.

- 01 (một) dấu vân tay màu đỏ (dấu thứ nhất tại vị trí ghi chữ “Trỏ phải-tính từ trái sang phải, từ trên xuống dưới) in dưới mục “Người nhận tiền”, ký và viết tên “Nguyễn Văn D” trên Biên nhận nợ ngày 09/6/2018, ký hiệu TLCGD: A bị mờ nhòe, chồng lên nhau nên không đủ yếu tố giám định truy nguyên đồng nhất.

Tòa án đã mở phiên hòa giải giữa các đương sự nhưng không được do bị đơn anh Mai Văn D (Nguyễn Văn D) vắng mặt không lý do.

Tại phiên tòa, anh Q vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện đối với anh D; Anh Q yêu cầu anh D trả số tiền vốn gốc 68.000.000 (sáu mươi tám triệu) đồng, không yêu cầu tính lãi suất kể cả giai đoạn thi hành án. Anh Q yêu cầu xử lý chi phí giám định theo quy định của pháp luật.

Ý kiến của Kiểm sát viên:

- Tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án:

Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án đã thực hiện đúng quy định tại Điều 203 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án tại phiên tòa thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự về xét xử sơ thẩm vụ án.

Những người tham gia tố tụng: nguyên đơn thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của pháp luật. Bị đơn anh Mai Văn D (Nguyễn Văn D) đã được triệu tập hợp lệ lần hai nhưng vắng mặt không lý do theo điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

- Giải quyết vụ án: Anh Q khởi kiện yêu cầu anh D trả vốn vay 68.000.000 đồng, không yêu cầu tính lãi suất kể cả giai đoạn thi hành án. Hợp đồng vay tài sản giữa các đương sự được thực hiện trên cơ sở tự nguyện, không trái pháp luật. Anh D vay tiền của anh Qúi nhưng không trả nợ là vi phạm nghĩa vụ. Anh Q không yêu cầu tính lãi suất. Yêu cầu anh D trả vốn gốc 68.000.000 đồng là có căn cứ, phù hợp Điều 463, Điều 466 Bộ luật Dân sự. Đề nghị chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Anh Q.

Anh D phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

*Về tố tụng:*

[1] Thẩm quyền: Anh Nguyễn Tấn Q khởi kiện tranh chấp dân sự, vay tài sản với anh Mai Văn D (Nguyễn Văn D), địa chỉ đăng ký hộ khẩu thường trú: Số nhà 539, khóm L, phường P, thị xã T, tỉnh An Giang. Xét, quan hệ tranh chấp thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã T theo quy định tại khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng Dân sự; nguyên đơn đã nộp tiền tạm ứng án phí, Tòa án thụ lý giải quyết.

[2] Thời hiệu khởi kiện: Ngày 09/6/2018, nguyên đơn cho bị đơn vay tiền, thời hạn 01 (một) tháng (30 ngày). Ngày 14/02/2020, nguyên đơn khởi kiện vẫn còn thời hiệu theo Điều 429 Bộ luật Dân sự.

[3] Sự vắng mặt của đương sự: Anh Mai Văn D (Nguyễn Văn D) đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không lý do. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng Dân sự, Tòa án tiến hành xét xử.

*Về nội dung:*

[1] Vốn vay:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản ghi lời khai ngày 31/3/2020, biên bản ghi nhận việc không tiến hành hòa giải và đối chất được ngày 31/7/2020, ngày 20/8/2020 và tại phiên tòa, anh Q xác định, ngày 09/6/2018, anh Q có cho anh D vay số tiền 68.000.000 (sáu mươi tám triệu) đồng, có “biên nhận ngày 09/6/2018” do anh Q cung cấp có chữ ký và dấu vân tay anh D theo Kết luận giám định số 26/KLGT-PC09(ĐV-TL) ngày 10/7/2020 của Phòng kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh An Giang. Cụ thể:

- Chữ ký đứng tên Nguyễn Văn D trên “Biên nhận nợ” ghi ngày 09/6/2018, ký hiệu TLCGD: A so với chữ ký của Mai Văn D trên 03 (ba) tài liệu mẫu so sánh, ký hiệu TLMSS: M1, M2, M3 do cùng một người ký ra.

- 05 (năm) dấu vân tay màu đỏ in dưới mục “Người nhận tiền” vị trí ký và viết tên “Nguyễn Văn D” trên Biên nhận nợ ngày 09/6/2018, ký hiệu TLCGD: A với dấu vân tay in ở ô ngón trỏ trái và trỏ phải trên bộ Bộ tờ khai, chỉ bản chứng minh nhân dân số 351.349.352, lập ngày 28/5/1996 tại Long Phú, Tân Châu, An Giang viết tên Mai Văn D, sinh ngày: 10/6/1978, nơi thường trú: Long Quới B, Long Phú, Tân Châu, An Giang, ký hiệu TLMSS: M3 là của cùng một người in ra.

- 01 (một) dấu vân tay màu đỏ (dấu thứ nhất tại vị trí ghi chữ “Trỏ phải” tính từ trái sang phải, từ trên xuống dưới) in dưới mục “Người nhận tiền”, ký và viết tên “Nguyễn Văn D” trên Biên nhận nợ ngày 09/6/2018, ký hiệu TLCGD: A bị mờ nhòe, chồng lên nhau nên không đủ yếu tố giám định truy nguyên đồng nhất.

Đối với nội dung biên nhận nợ ngày 09/6/2018: “Tôi tên: Nguyễn Văn D, sinh năm 1978. CMND số 351.349.372. Cư ngụ: khóm L, phường P, thị xã T, tỉnh An Giang. Nhận có mượn của anh Nguyễn Tấn Q số tiền là: 68.000.000 đồng (sáu mươi tám triệu đồng chẵn). Hẹn sau 01 tháng (tức 30 ngày) kể từ ngày viết biên nhận nợ này tôi sẽ trả lại cho anh Q số tiền trên”. Phần ký tên ghi họ tên của người nhận tiền “Long Quới B, ngày 09/6/2018. Người nhận tiền Nguyễn Văn D. Ghi “Trỏ trái, Trỏ phải” ở giữa các dấu vân tay của anh D, tất cả nội dung này là do anh Q viết. Anh D chỉ ký tên D và lăn tay vào biên nhận nợ nêu trên.

Họ tên trong biên nhận nợ là anh Nguyễn Văn D và số giấy chứng minh 351.349.372 không trùng khớp với nhân thân của anh Mai Văn D có số giấy chứng minh 351.349.352. Anh Q cho rằng, họ tên và số giấy chứng minh nhân dân trong biên nhận nợ là do anh D cung cấp cho anh Q khi anh Q yêu cầu anh D ký vào nội dung biên nợ. Và anh Q cho rằng, khi làm đơn khởi kiện tại Tòa án anh Q có đến địa phương tìm hiểu được biết anh D tên thật là Mai Văn D, sinh năm 1978; Địa chỉ: Khóm L, phường P, thị xã T, tỉnh An Giang. Tại phiên tòa

hôm nay, anh Q xác định người vay tiền của anh Q là Mai Văn D, sinh năm 1978; Địa chỉ: Khóm L, phường P, thị xã T, tỉnh An Giang.

Căn cứ vào lời khai, tài liệu chứng cứ do nguyên đơn cung cấp, Kết luận giám định của Phòng kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh An Giang và kết quả xác minh tại Ban khóm Long Quới B, Công an phường Long Phú, thị xã T, tỉnh An Giang và ông Mai Văn T (cha ruột của ông Mai Văn D). Có cơ sở xác định người vay tiền của anh Q là anh Mai Văn D, sinh năm 1978; Đăng ký hộ khẩu thường trú: Khóm L, phường P, thị xã Tân Châu, tỉnh An Giang.

Anh D vay tiền của anh Q nhưng vi phạm nghĩa vụ trả nợ. Q yêu cầu anh D có trách nhiệm trả vốn 68.000.000 (sáu mươi tám triệu) đồng là có căn cứ, chấp nhận.

[2] Tiền lãi:

Anh Q khai, sau khi vay tiền, anh D không trả lãi cho anh Q và anh Q không yêu cầu bị đơn trả lãi kể cả giai đoạn thi hành án, xét có lợi cho bị đơn nên chấp nhận.

[3] Buộc anh Mai Văn D (Nguyễn Văn D) có trách nhiệm trả cho anh Nguyễn Tấn Q số tiền vốn gốc 68.000.000 (sáu mươi tám triệu) đồng theo quy định tại các Điều 463, Điều 466 Bộ luật Dân sự.

[4] Về án phí,

Anh Mai Văn D (Nguyễn Văn D) phải chịu 3.400.000 đồng (của số tiền 68.000.000 đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Anh Nguyễn Tấn Q không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, hoàn trả anh Q 1.700.000 (một triệu bảy trăm nghìn) đồng tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu số TU/2017/0002530 ngày 21 tháng 02 năm 2020 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã T.

[5] Về chi phí giám định: Anh Mai Văn D phải hoàn trả cho anh Nguyễn Tấn Q chi phí giám định 3.240.000 (ba triệu hai trăm bốn mươi nghìn) đồng (biên lai số 26/KLGD-PC09 ngày 10/7/2020 của Phòng kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh An Giang) theo quy định tại khoản 4 Điều 161, khoản 1 Điều 162 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[6] Quyền kháng cáo bản án: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 271, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

*Căn cứ vào Điều 463, Điều 466 Bộ luật Dân sự; Điều 147, khoản 4 Điều 161, khoản 1 Điều 162, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng Dân sự; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;*

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của anh Nguyễn Tấn Q.

Buộc anh Mai Văn D (Nguyễn Văn D) có trách nhiệm trả cho anh Nguyễn Tấn Q 68.000.000 (sáu mươi tám triệu) đồng.

Về án phí dân sự sơ thẩm:

Anh Mai Văn D (Nguyễn Văn D) phải chịu 3.400.000 (ba triệu bốn trăm nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Anh Nguyễn Tấn Q không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, hoàn trả anh Q 1.700.000 (một triệu bảy trăm nghìn) đồng tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu số TU/2017/0002530 ngày 21 tháng 02 năm 2020 của Chi cục Tshi hành án dân sự thị xã T.

Về chi phí giám định:

Anh Mai Văn D phải hoàn trả cho anh Nguyễn Tấn Q chi phí giám định 3.240.000 (ba triệu hai trăm bốn mươi nghìn) đồng (biên lai số 26/KLGĐ-PC09 ngày 10/7/2020 của Phòng kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh An Giang)

Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, anh Q có quyền kháng cáo để yêu cầu Toà án nhân dân tỉnh An Giang xét xử phúc thẩm.

Riêng thời hạn kháng cáo của anh D là 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

*Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.*

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ	THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
Nguyễn Thị Kim Khuyên    Nguyễn Quốc Dũng	Huỳnh Thị Bạch Tuyết